

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 60 /2023/DS-ST

N G: 14/9/2023

V/vụ án: “T/c hợp đồng vay tài sản”

- 1 -

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Ngô Rạng Đông**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến**- cán bộ Tòa án thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Bà **Đặng Mỹ Phương** – Kiểm sát viên.

Trong n G 14 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2023/TLST-DS n G 04/5/2023, về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXX-ST n G 29/8/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Hà V G, sinh năm 1963. (Có mặt)

Bà Phan T C V, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn T Kim L, sinh năm 1968. (Có mặt)

Ông Lê V H, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

- 2 -
NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

N G 25/10/2018 DL tôi cho bà Nguyễn T Kim L vay 300.000.000đ, vay không lãi suất, bà L hứa đến khi bán được đất sẽ trả 500.000.000đ và cho thêm vợ chồng Tôi 500.000.000đ. Khi vay hai bên không làm biên nhận, đến n G 06/3/2022 bà L Mới viết và ký giấy nhận nợ với Tôi. Khi đó ông H đang đi trị bệnh ở Sài Gòn, một thời gian sau vợ chồng bà V nói với ông H có cho bà L vay 300.000.000đ, ôngH hứa khi bán được đất sẽ trả tiền. Đến khi vợ chồng ôngH, bà L bán được đất thì không trả tiền, nên vợ chồng bà V mới làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L ôngH phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và lãi suất tính theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng, tính từ n G vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa vợ chồng bà V chỉ yêu cầu vợ chồng bà L trả lại tiền vốn gốc là 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn T Kim L trình bày: N G 25/10/2018 Tôi có vay của bà Phan T C V số tiền 300.000.000 đ, vay không lãi suất. Khi vay không làm biên nhận đến n G 06/3/2022, Tôi mới ghi giấy nhận nợ cho bà V. Do tháng 4/2018 vợ chồng Tôi xây nhà thiếu tiền mua vật tư và tiền tiêu xài trong gia đình nên bà có hỏi vay tiền ông Lộc sau đó không có tiền đóng tiền lãi nên bà hỏi vay vợ chồng bà V 300.000.000đ để đóng tiền lãi cho ông L và để có tiền chi tiêu trong gia đình gì từ trước đến nên bà L là người đứng ra lo liệu chi tiêu trong gia đình nên ôngH có trách nhiệm trả nợ cùng bà.

Nay bà L thừa nhận vợ chồng bà có nợ vợ chồng bà V, ông G 300.000.000đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ vì hiện tại bà không còn khả năng

Ông Lê V H trình bày tại biên bản hòa giải: Ông thừa nhận mỗi việc trong gia đình đều do bà L quán xuyến lo liệu. Việc bà L vay tiền của bà Phan T C V và ông Hà V G 300.000.000đ ông không biết, thời gian sau thì bà V có nói vợ tôi bà L có vay của bà 300.000.000đ, Tôi có hứa đến khi bán đất được sẽ trả nợ. Khi bán đất vợ

Tôi không trả tiền cho vợ chồng ông G. Nay vợ chồng ông G bà V khởi kiện thì bà L có trách nhiệm trả nợ, ông đau bệnh không làm ra tiền, không có tiền trả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện đúng các quy định của pháp luật như: Thụ lý đúng thẩm quyền theo Điều 26, 35, 39 BLTTDS; đã thực hiện việc giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Xác minh thu thập chứng cứ và giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 97, 98 BLTTDS; Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng pháp luật về thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Thời hạn xét xử vụ án đúng quy định, do đó về thủ tục tố tụng trong vụ án không vi phạm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà V, buộc bà L ôngH trả cho bà V ông G 300.000.000 đồng nợ gốc, đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: ông Lê V H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ôngH.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án giữa nguyên đơn bà Phan T C V, ông Hà V G với bị đơn ông Nguyễn T Kim L, ông Lê V H là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án này áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự.

Đồng bị đơn có nơi cư trú tại Phú Quốc nên theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nội dung vụ án: N G 25/10/2018 DL bà V cho bà Nguyễn T Kim L vay 300.000.000đ, vay không lãi suất, bà L hứa đến khi bán được đất sẽ trả 500.000.000đ và cho thêm vợ chồng Tôi 500.000.000đ. Khi vay hai bên không làm biên nhận, đến n G 06/3/2022 bà L Mới viết và ký giấy nhận nợ với bà V. Khi đó ôngH đang đi trị bệnh ở Sài Gòn, một thời gian sau vợ chồng bà V nói với ôngH có cho bà L vay 300.000.000đ, ôngH hứa khi bán được đất sẽ trả tiền. Đến khi vợ chồng ôngH, bà L bán được đất thì không trả tiền, nên vợ chồng bà V mới làm đơn khởi kiện

Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Phan T C V, ông Hà V G yêu cầu bà Nguyễn T Kim L, ông Lê V H trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất, không đồng ý cho trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

Bà L thừa nhận có vay tiền của bà V vào n G 25/10/2018 DL 300.000.000đ đến n G 06/3/2022 có làm giấy nhận nợ, nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, buộc vợ chồng bà L trả cho vợ chồng bà V 300.000.000đ nợ gốc.

Về yêu cầu trả dần của bà L không được vợ chồng bà V chấp nhận nên không có căn cứ xem xét.

Tại đơn khởi kiện vợ chồng bà V yêu cầu vợ chồng bà L trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa không yêu cầu tính lãi suất nên đình chỉ.

Xét trách nhiệm của ông Lê V H: Số tiền vay được bà L dùng vào việc trả tiền lãi cho khoản vay để mua vật tư xây nhà của vợ chồng bà và để chi tiêu trong gia đình. Lời khai của ôngH cũng thừa nhận mỗi việc trong gia đình đều do bà L quán xuyến lo liệu. Bà L vay tiền của vợ chồng bà V 300.000.000đ ông không biết, thời gian sau thì bà V có nói vợ tôi bà L có vay của bà 300.000.000đ, ôngH có hứa đến khi bán đất được sẽ trả nợ. Khi bán đất vợ ông H không trả tiền cho vợ chồng bà V. Nay vợ chồng bà V khởi kiện thì bà L có trách nhiệm trả nợ, ông đau bệnh không làm ra tiền, không có tiền trả là không phù hợp với quy định pháp luật. Bà L

và ông là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ôngH phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do bà L thực hiện trong thời kỳ hôn nhân. Do đó chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà L, ôngH trả số nợ.

Về án phí: Vợ chồng bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho vợ chồng bà V là $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$

Vợ chồng bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông bà được miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 n G 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 219, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 48 Nghị Quyết số 326, n G 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan T C V, ông Hà V G đối với Bà Nguyễn T Kim L, ông Lê V H

2. Buộc bà Nguyễn T Kim L và ông Lê V H trả cho bà Phan T C V, ông Hà V G 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*)

Đình chỉ yêu cầu của vợ chồng bà V về việc yêu cầu bà L ôngH trả tiền lãi.

Kể từ n G có đơn yêu cầu Thi hành án bên phải thi hành không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn T Kim L, ông Lê V H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)

Bà Phan T C V, ông Hà V G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông bà được miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 n G 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định 15 n G tuyên án, ông H vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ n G nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh KG
- VKS Phú Quốc
- THA Phú Quốc
- Đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM

HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Phú Quốc, n G 03 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 50 n G 03 tháng 9 năm 2015

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm
- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trịnh Phước Đức**

2/ Ông **Đặng Thành Tấn**

Đã nghị án vụ án về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”
80/2015/TLST- HNGĐ n G 03/6/2015, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Chí Trung**, sinh năm 1969.

Chị **Nguyễn Thị Hằng**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Anh Nguyễn Chí Trung ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hằng. Theo giấy ủy quyền n G 24/6/2015.

* **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Lượng**, sinh năm 1959.

Ông **Trần Thanh Hải** (thường gọi Trần Sướng), sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm thảo luận nghị án đã thống nhất ý kiến 3/3 và quyết định những vấn đề cụ thể như sau:

Áp dụng pháp luật:

Áp dụng các Điều 25 khoản 1 Điều 131, Điều 243, khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án n G 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thị Hằng đối với vợ chồng ông Trần Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Lượng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lượng và ông Trần Thanh Hải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí Trung và bà Nguyễn Thị Hằng 20 chỉ vàng 24K.

Kể từ n G có đơn yêu cầu Thi hành án bên phải thi hành không trả số vàng trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí: Ông Trần Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Lượng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 20 chỉ vàng 24k là 3.126.000đ được tính như sau:
 $[\{ 20 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.126.000\text{đ} \} = 62.520.000\text{đ} \times 5\%] = 3.126.000\text{đ}$

Chị Nguyễn Thị Hằng, anh Nguyễn Chí Trung không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 09971 n G 28/5/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong có đọc lại cho các thành viên trong HĐXX nghe và đồng ý ký tên.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút n G 03/9/2015

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Đặng Thành Tấn

Trịnh Phước Đức

Lê Thị Hồng Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa